TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HSST
Ngày: 06-6-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: **Nuyễn Thị Tài.**
- Ông: **Nguyễn Văn Hải**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**:** Ông **Trương Quang Vũ**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/TLST-HS ngày 06/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 23/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Thu H**; Sinh ngày 02/10/1997 tại: Lâm Đồng.

NKTT: 175/10 Lê Phụng Hiểu, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi ở: Thôn 5, xã Lộc Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nữ.

Con ông: Lê Hữu Trọng, sinh năm 1967 (đã chết); Con bà Đặng Thị Vui, sinh năm 1968. Hiện trú tại 175/10 Lê Phụng Hiểu, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

CH: Trần Thanh Vũ, sinh năm 1998; hiện trú tại Thôn 5, xã Lộc Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn 5, xã Lộc Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (Bị cáo có mặt).

**** Người bị hại:*** Chị **Nguyễn Thị Tuyết,** sinh năm: 1992 và anh **Trần Minh Công**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc Quảng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**** Người làm chứng:*** Anh **Trần Thanh Vũ,** sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn 5, xã Lộc Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 25/01/2024 Lê Thị Thu H đến nhà chị Nguyễn Thị Tuyết ở thôn 7, xã Lộc Quảng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng để làm việc (H làm giúp việc cho nhà chị Tuyết). Đến khoảng 09 giờ, chị Tuyết đi ra Bệnh viện II Lâm Đồng để chăm sóc bố cH của chị Tuyết đang bị ốm, anh Công (cH chị Tuyết) làm việc bên kho vật liệu, nên ở nhà chỉ có mình H và mẹ cH của chị Tuyết (đã già yếu, nằm tại giường), H nảy sinh ý định lấy trộm tiền của chị Tuyết. Do làm cho chị Tuyết đã lâu, quá trình dọn dẹp nhà cửa H biết được chị Tuyết thường cất tiền trong ngăn kéo của tủ quần áo để trong phòng ngủ, chìa khóa ngăn tủ chị Tuyết để ở giá để đồ (bằng nhựa) ở cạnh cửa ra vào phòng ngủ, cửa phòng ngủ không khóa nên H mang theo cây chổi quét nhà đi vào phòng ngủ của chị Tuyết để lấy trộm tiền, mục đích mang theo chổi là để khi có người phát hiện thì H giả vờ như đang quét nhà. Khi vào trong phòng ngủ, H lấy chìa khóa ngăn tủ quần áo để ở giá để đồ, rồi mở ngăn tủ quần áo chị Tuyết thường để tiền (ngăn tủ thứ nhất từ trên xuống bên tay phải) thì thấy trong ngăn tủ có 03 (ba) cọc tiền một cọc có các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) và 02 (hai) cọc toàn tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), H mở dây thun của cọc tiền có nhiều mệnh giá, rồi rút các tờ tiền mệnh giá tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) số lượng khoảng 3 đến 4 tờ; rút các tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) số lượng khoảng 10 đến 15 tờ; rút các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) số lượng khoảng 3 đến 4 tờ, rồi buộc dây thun cọc tiền lại như cũ và đóng khóa ngăn tủ quần áo, cất chìa khóa vào vị trí cũ. Số tiến lấy trộm được H đem cất trong giỏ quần áo của mẹ cH chị Tuyết (do không đếm nên không biết số tiền đã lấy trộm được là bao nhiêu tiền) rồi quay lại làm việc bình thường.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H tiếp tục lợi dụng việc chị Tuyết đi đón con, anh Công (cH chị Tuyết) chưa về, nhà không có ai nên H tiếp tục nảy sinh ý định lấy trộm tiền của chị Tuyết. H vào phòng ngủ của chị Tuyết, lấy chìa khóa để ở giá đựng đồ mở ngăn tủ quần áo (ngăn tủ thứ nhất từ trên xuống bên tay phải) để lấy trộm tiền, lần này H cũng mở dây thun của cọc tiền nhiều mệnh giá, rồi rút các tờ tiền mệnh giá

tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) số lượng khoảng 3 đến 4 tờ; rút các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) số lượng khoảng 10 tờ; không rút các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), rồi buộc dây thun cọc tiền lại như cũ và đóng khóa tủ, cất chìa khóa vào vị trí cũ. Số tiền lấy được lần này, H cất trong túi quần của H, do không đếm nên không rõ số tiền lấy trộm được là bao nhiêu.

Khi chị Tuyết đi đón con về, H đến chỗ giỏ quần áo của mẹ cH chị Tuyết, lấy số tiền lúc sáng lấy trộm được cất vào túi quần, rồi ra xe đi về nhà trọ của H. Về đến nhà, H lấy số tiền đã lấy trộm được của chị Tuyết ra đếm thì được 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng) rồi cất giấu vào trong thùng giấy để quần áo. Đến tối, chị Tuyết gọi cho H nói bị mất tiền, thì H không nhận đã lấy tiền của chị Tuyết. Sáng ngày 26/01/2024 chị Tuyết đã trình báo công an làm việc.

Quá trình điều tra xác định: trước đó, H còn 03 (ba) lần lấy trộm tiền của chị Tuyết cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: vào ngày 07/01/2024 H thấy chị Tuyết để ví đựng tiền tại giá để đồ trong phòng ngủ của chị Tuyết, lợi dụng lúc chị Tuyết đi qua nhà hàng xóm chơi, H đã mở ví lấy trộm số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), gồm 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng);

Lần thứ hai: vào ngày 11/01/2024 H thấy chị Tuyết để ví đựng tiền tại giá để đồ trong phòng ngủ của chị Tuyết, lợi dụng lúc chị Tuyết đi vệ sinh, H mở ví lấy trộm số tiền là 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), gồm 07 tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: khoảng 10 giờ ngày 24/01/2024 khi chị Tuyết, anh Công không có ở nhà. H biết chị Tuyết để chìa khóa ngăn tủ quần áo (có cất tiền) tại giá đựng đồ trong phòng ngủ của chị Tuyết nên đã lấy chìa khóa mở ngăn tủ quần áo, lấy trộm số tiền là 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng), gồm các tờ tiền có mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) H không nhớ rõ số lượng từng mệnh giá. Số tiền lấy được H mang về cất giấu tại nhà trọ của H.

Tổng số tiền H đã lấy trộm của chị Tuyết là 20.500.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó H đã tiêu sài 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) số tiền còn lại 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Cáo trạng số 35/CTr-VKSBL ngày 03/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Thị Thu H về tội: "*Trộm cắp tài sản* " theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại số tiền 16.200.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết và bị cáo H đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Tuyết số tiền 4.300.000đồng, chị Tuyết và anh Công không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

-Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo L; Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo L trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản ngày 25/01/2024 bị cáo Lê Thị Thu H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Tuyết và anh Công số tiền 8.100.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 07/01/2024 bị cáo H còn có hành vi lén lút chiến đoạt tài sản của chị Tuyết và anh Công số tiền 2.500.000 đồng. Ngày 11/01/2024 bị cáo H lén lút chiến đoạt tài sản của chị Tuyết và anh Công số tiền 3.700.000 đồng. Ngày 24/01/2024 bị cáo H lén lút chiến đoạt tài sản của chị Tuyết và anh Công số tiền 6.200.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H đã lấy trộm của chị Tuyết và anh Công là 20.500.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi trên của bị cáo Lê Thị Thu H đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo L truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, chứng tỏ bị cáo xem thường

pháp luật nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, người bị hại đã có đơn bãi nại nên áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Không xem xét áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (mỗi lần trên 2.000.000 đồng) nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về Trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại số tiền 16.200.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết và bị cáo H đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Tuyết số tiền 4.300.000đồng, chị Tuyết và anh Công không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Các vấn đề khác: Quá trình điều tra xác định hành vi của Trần Thanh Vũ có dấu hiệu của tội " che dấu tội phạm " theo quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo H chỉ phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Mặc khác hành vi của Vũ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Bộ luật hình sự nên hành vi của Trần Thanh Vũ không cấu thành tội phạm.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đủ răn đe, phòng ngừa riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, cũng như việc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Bị cáo **Lê Thị Thu H** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu H** 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị Thu H phải nộp 200.000đ án phí HSST.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 06/6/2024 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng [(2)];
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Phong